

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản công nghệ cao của Công ty TNHH Chăn nuôi Thạch Tú;

Căn cứ Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản công nghệ cao;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Chăn nuôi Thạch Tú tại Văn bản số 89/CV-TT ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản công nghệ cao; Văn bản số 1.2026/CV-TT ngày 01 tháng 02 năm 2026 về việc giải trình và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản công nghệ cao và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 106/TTr-SNNMT, ngày 12 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH chăn nuôi Thạch Tú, địa chỉ tại 64 Nguyễn Tất Thành, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với dự án Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản công nghệ cao với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản công nghệ cao.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Thiên Bửu và thôn 9, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số 5200909786 do Phòng doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Lào Cai cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 25/8/2025.

1.4. Mã số thuế: 5200909786.

1.5. Loại hình sản xuất: Chăn nuôi gia súc

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 92.421,1 m².

- Nhóm dự án (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): Dự án nhóm C.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 2.500 con lợn nái bố mẹ/năm, tạo ra giống lợn thương phẩm khoảng khoảng 60.000 con/năm.

- Quy trình công nghệ chăn nuôi:

Lợn giống -> Nhập trại -> Phối giống -> Mang thai -> Sinh sản -> Lợn con -> Cai sữa -> Xuất bán lợn con thương phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH chăn nuôi Thạch Tú có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Thượng Bằng La và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo lên Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân xã Thượng Bằng La tổ chức kiểm tra việc thực hiện các theo quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Kiểm toán khu vực VII phối hợp kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc thường xuyên trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này. Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh để việc triển khai thực hiện Quyết định đảm bảo các quy định của pháp luật, xử lý nghiêm các vi phạm nêu có.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai; Giám đốc Công ty TNHH chăn nuôi Thạch Tú và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh (đc Khanh);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà ở 1.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà ở 2.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà bảo vệ.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà cách ly
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực kho sản xuất và nhà vệ sinh.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà công nhân cách ly.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà tắm khu hủy xác.
- Nguồn số 10: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại khu nhà heo cách ly.
- Nguồn số 11: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại khu nhà hậu bị.
- Nguồn số 12: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại khu nhà heo nọc.
- Nguồn số 13: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại khu nhà heo mang thai.
- Nguồn số 14: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại khu nhà heo nái đẻ.
- Nguồn số 15: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại khu vực nhà ép phân.
- Nguồn số 16: Nước thải phát sinh tại khu vực sát trùng xe.
- Nguồn số 17: Nước thải phát sinh tại khu vực sát trùng cho công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải tương ứng nguồn số 01 đến nguồn số 17.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe suối cạnh khu vực dự án sau đó hợp lưu vào suối Khe Dựng nằm trên địa bàn xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai.
- Vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ} 45'$ múi chiều 3°*): $X = 2374026$; $Y = 499575$.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B (*hệ số $K_q=0,9$, $K_f=1,2$*), với các thông số như sau

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
2	BOD ₅	mg/l	108	
3	COD		324	
4	TSS	mg/l	162	
5	Tổng nitơ (theo N)	mg/l	162	
6	Tổng Colifom	MPN hoặc CFU/ 100ml	5.000	

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường của dự án phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn

Nước mưa trên mái các khu nhà theo độ dốc mái chảy tràn xuống sân, đường nội bộ sau đó được thu gom theo hệ thống rãnh thoát nước mưa chảy tràn bề mặt.

Hệ thống thoát nước mưa bề mặt là hệ thống rãnh hộp xây (*kích thước rộng mặt 50cm x sâu 50cm, độ dốc $i = 2\%$*) bao quanh khu vực dự án, thu thoát nước mưa theo 02 hướng:

- Hướng số 01: Toàn bộ nước mưa từ khu vực nhà heo cách ly, đài nhập heo ở công trại, nhà ở cách ly, nhà công nhân xuất heo, nhà chứa xác heo, nhà heo hậu bị, nhà heo mang thai, nhà heo nái đẻ, nhà heo nọc, nhà xuất heo con được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước mưa bề mặt (*hệ thống rãnh hộp xây, kích thước rộng mặt 50cm x sâu 50cm*) với tổng chiều dài khoảng 1.200m, theo độ dốc địa hình chảy về hướng Đông Bắc vào hố ga G6 (*kích thước dài 01m x rộng 01m x sâu 01m*) và chảy ra suối nhỏ cạnh dự án.

- Hướng số 02: Toàn bộ nước mưa từ khu vực công trại, nhà văn phòng, nhà ở, nhà sát trùng, nhà rửa xe được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước mưa bề mặt (*hệ thống rãnh hộp xây, kích thước rộng mặt 50cm x sâu 50cm*) với tổng chiều

dài khoảng 350m theo độ dốc địa hình chảy về hướng Tây Bắc vào hố ga G10 (kích thước dài 01m x rộng 01m x sâu 01m) và chảy ra hệ thống rãnh thoát nước chung của khu vực.

- Dọc tuyến rãnh thu gom nước mưa bố trí 26 hố ga (kích thước dài 01m x rộng 01m x sâu 01m) và các song chắn rác để lắng cặn.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Được thu gom theo đường ống D110 dài 01m về bể tách mỡ dung tích 160 lít để xử lý sơ bộ, nước sau khi được xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống PVC D110 dài 13m về hố ga HG1.

- Nguồn số 02: Được thu gom theo đường ống D100 dài 04m về bể tự hoại dung tích 12,35m³, nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D100 dài 12m về hố ga HG3.

- Nguồn số 03: Được thu gom theo đường ống D110 dài 02m về bể tự hoại dung tích 12,35m³, nước sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D110 dài 30m về hố ga HG2.

- Nguồn số 04: Được thu gom theo đường ống D100 dài 02m về bể tự hoại dung tích 12,35m³, nước sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D100 dài 56m về hố ga HG3.

- Nguồn số 05: Được thu gom theo đường ống D110 dài 13m về bể tự hoại dung tích 10,3m³ nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D110 dài 58m về hố ga HG1.

- Nguồn số 06: Được thu gom theo đường ống D100 dài 07m về bể tự hoại dung tích 12,35m³, nước sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D150 dài 42m về hố ga HG4.

- Nguồn số 07: Được thu gom theo đường ống D110 dài 01m về bể tự hoại dung tích 12,35m³, nước sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D110 dài 03m dẫn về hố ga HG5.

- Nguồn số 08: Được thu gom theo đường ống D110 dài 01m về bể tự hoại dung tích 12,35m³, nước sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo đường ống D110 dài 55m về hố ga HG1.

- Nguồn số 09: Được thu gom theo đường ống D90 dài 30m về hố ga HG12.

Nước thải từ hố ga HG1 theo đường ống D110 dài 22m nhập vào đường ống D150 dài 40m về hố ga HG2; nước thải tại hố ga HG2 theo đường ống D150 dài 20m về hố ga HG3; nước thải tại hố ga HG3 theo đường ống D150 dài 85m về hố ga HG4; nước thải tại hố ga HG4 theo đường ống D150 dài khoảng 80m về hố ga HG12. Nước thải tại hố ga HG5 theo đường ống D110 dài 100m vào đường ống D150 dài 115m về hố ga HG12. Toàn bộ nước thải tại hố ga HG12 theo đường ống D150 dài 40m về bể lắng phân ròi về bể biogas bằng đường ống D200 dài khoảng 103m. Nước thải sau xử lý tại bể biogas theo đường ống D90 dài 03m về 01 hố

gom (kích thước dài 4m x rộng 2,5m x sâu 2,4m) rồi về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm bằng đường ống D90 dài khoảng 93m.

1.1.3. Mạng lưới thu gom nước thải chẵn nuôi

- Nguồn số 10: Được thu gom bằng đường ống PVC D300 dài 03m về hố ga HG4.
- Nguồn số 11: Được thu gom bằng đường ống PVC D300 dài 03m vào đường ống D110 dài khoảng 90m về hố ga HG9.
- Nguồn số 12: Được thu gom bằng đường ống PVC D300 dài 03m vào đường ống D110 dài khoảng 18m về hố ga HG11.
- Nguồn số 13: Được thu gom bằng đường ống PVC D300 dài 03m vào đường ống D110 dài 100m về hố ga HG8.
- Nguồn số 14: Được thu gom bằng đường ống PVC D300 dài 03m vào đường ống D110 dài 183m về hố ga HG8.
- Nguồn số 15: Được thu gom bằng đường ống D90 dài khoảng 30m về bể lắng phân.
- Nguồn số 16: Được thu gom bằng đường ống D110 dài 78m về hố ga HG1.
- Nguồn số 17: Được thu gom bằng đường ống D110 dài 82m về hố ga HG1.

Nước thải tại hố ga HG1 theo đường ống D110 dài 22m, D150 dài 145m về HG4; nước thải tại hố ga HG4 theo đường ống D150 dài khoảng 80m về hố ga HG12. Nước thải tại hố ga HG8 theo đường ống D150 dài 60m về hố ga HG9; nước thải tại hố ga HG9 theo đường ống D150 dài 20m gom về hố ga HG11; nước thải tại hố ga HG11 theo đường ống D150 dài khoảng 35m về hố ga HG12. Toàn bộ nước thải tại hố ga HG12 theo đường ống D150 dài 40m về bể lắng phân rồi về bể biogas bằng đường ống D200 dài khoảng 103m. Nước thải sau xử lý tại bể biogas theo đường ống D90 dài 03m về 01 hố gom (dài 4m x rộng 2,5m x sâu 2,4m) rồi về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm bằng đường ống D90 dài khoảng 93m.

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống D150 dài 15m tự chảy về hồ sinh học, nước thải từ hồ sinh học theo đường ống UPVC DN150 dài 60m tự chảy ra khe suối cạnh khu vực dự án, sau đó hợp lưu vào suối Khe Dụng nằm trên địa bàn xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Bể tự hoại: 07 bể tự hoại 03 ngăn; trong đó: 01 bể tại khu nhà văn phòng, 01 bể tại khu nhà ở số 1, 01 bể tại khu nhà ở số 2, 01 bể tại nhà ở cách ly, 01 bể tại khu nhà cách ly công nhân, 01 bể tại kho khu sản xuất và nhà vệ sinh, mỗi bể đều có dung tích 12,35m³/bể, kích thước mỗi bể dài 3,42m x rộng 1,72m x sâu 2,1m; 01 bể tại khu nhà bảo vệ có dung tích 10,30m³, kích thước dài 2,6m x rộng 2,4m x sâu 1,65m.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn 1 (chứa, lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 2 (lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 3 (lắng, lọc, chứa) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Bể tách mỡ: 01 bể tách mỡ tại khu vực nhà bếp loại composite, dung tích 160 lít, kích thước dài 1,0m x rộng 0,4m x sâu 0,4m.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn 1 (*chứa, tách rác*) → Ngăn 2 (*phân tách dầu, nước*) → Ngăn 3 (*chứa*) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

c) Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm.

Quy trình xử lý: Nước thải -> bể lắng phân -> bể biogas -> hồ gom -> bể điều hòa -> bể thiếu khí (1, 2, 3, 4, 5) -> bể vi sinh MBBR (1, 2, 3, 4, 5) -> bể lắng (1, 2, 3, 4) -> bể trung gian -> bể hóa lý 1, 2 -> bể trộn hóa lý -> bể hóa lý 3, 4 -> bể lắng hóa lý (1, 2, 3, 4, 5, 6) -> bể khử trùng -> hồ sinh học -> Khe suối cạnh khu vực dự án sau đó hợp lưu vào suối Khe Dựng nằm trên địa bàn xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất kháng bọt, PAC, vôi, Clo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Hồ sự cố: kích thước dài 20m x rộng 20m x sâu 4,5m; tổng dung tích 1.800m³

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn;

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động phát sinh nước thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm

2.2.1.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra.

2.2.1.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.1.3. *Tần suất lấy mẫu*: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành theo dõi quá trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung với đầy đủ các thông tin cần theo dõi, giám sát như: người vận hành, thời gian, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc, hóa chất sử dụng, thời gian xảy ra sự cố, nguyên nhân, thời gian khắc phục (thời gian bắt đầu, kết thúc),...

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.5. Công ty TNHH chăn nuôi Thạch Tú chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực chuồng trại.
- Nguồn số 02: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào trang trại.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ khu vực máy phát điện.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027 tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành hoạt động của dự án, đảm bảo đạt các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án để tránh ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực; chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung hoạt động của dự án gây ra.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	12
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	50
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ chai, lọ đựng hóa chất, vỏ lọ thuốc sát trùng, vỏ lọ thuốc thú y)	18 01 03	Rắn	35
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	28
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	6
7	Dầu máy thải	17 02 04	Lỏng	15
8	Chất thải lây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn (kim tiêm)	13 02 01	Rắn	36
9	Xác lợn chết	14 02 01	Rắn	Không xác định
Tổng				192

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Phân thải	11.992
2	Xác lợn chết không do dịch và nhau thai	8,0
3	Chất thải rắn thông thường khác (bao bì, thùng carton)	25
4	Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa, hố ga, bể tự hoại, bể biogas, hệ thống xử lý nước thải tập trung, dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	403
Tổng		12.428

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 40 kg/ngày chủ yếu là rau, thực phẩm thừa, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa dung tích 60 lít và 01 thùng chứa dung tích 100 lít có nắp đậy kín dạng chuyên dùng để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 15m² (*kích thước dài 5,0m x rộng 3,0m*). Kho được xây dựng kín, mái che, nền cao lát bê tông, có biển cảnh báo kho chứa CTNH.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.

- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại dự án phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

- Đối với xác lợn chết do dịch bệnh: khi xảy ra dịch bệnh, chủ trang trại chủ động thông báo với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện tiêu hủy, chôn lấp xác lợn chết do dịch bệnh đảm bảo quy định tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 02 kho chứa chất thải.

b) *Khu vực lưu chứa:*

- Kho phân diện tích khoảng 100m² (*kích thước dài 20m x rộng 5m, nằm trong nhà ép phân*). Kho được xây dựng kín, mái che, nền cao lát bê tông.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 48m² (*kích thước dài 8m x rộng 6m*) để lưu giữ trước khi chuyển giao. Kho được xây dựng kín, mái che, nền cao lát bê tông.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bể biogas định kỳ nạo vét bùn và vận chuyển về phơi, ủ tại khu vực sân phơi bùn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng rác 60 lít tại mỗi chuồng trại, 03 thùng rác 60 lít và các thùng rác 20 lít tại khu vực bếp ăn, 02 thùng rác 60 lít tại khu vực nhà điều hành, nhà lưu trú, nhà cách ly.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh dự án.

5. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 *(trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không*

thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.